



**Shinhan**  
Securities

# CẬP NHẬT KINH TẾ VIỆT NAM

Ngày 22/12/2025

## Thiên tai ảnh hưởng đến giá lương thực, thực phẩm

### Lạm phát nhóm lương thực, thực phẩm tăng mạnh

Lạm phát tháng 11 tăng 0.45% MoM, ảnh hưởng lớn bởi nhóm (1) hàng ăn & dịch vụ ăn uống và (2) nhóm giao thông. Tổng đóng góp của 2 nhóm này bằng mức tăng chung. Ba đợt lũ lớn lịch sử trong tháng 11 đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Do lũ lụt lớn, ngập úng diện rộng đã diễn ra ở nhiều địa phương làm thiệt hại nông sản. Nguồn cung thực phẩm bị gián đoạn. Nhóm hàng ăn & dịch vụ ăn uống tăng 0.95% MoM, đóng góp vào CPI chung 0.34 điểm phần trăm. Giá nhóm rau tăng mạnh nhất với 12.7% MoM. Các thực phẩm khác như thủy sản, gia cầm, trứng đều tăng, trừ thịt lợn giảm 0.42% MoM. Giá gạo trong nước cũng tăng 0.14% MoM, ngô tăng 2.97%, khoai tăng 2.6% và sắn tăng 1.47%. Các địa phương bị ảnh hưởng bởi bão lũ chứng kiến mức tăng mạnh trong chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 11. Gia Lai tăng 3.72% MoM. Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Huế, Đắk Lắk đều chứng kiến mức tăng hơn 2%-3%. Vì giá nguyên liệu thực phẩm tăng, chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình cũng tăng theo. Chúng tôi cho rằng giá thực phẩm có thể sẽ giảm nhẹ trong tháng 12 nhưng sẽ vẫn duy trì ở mức cao do yếu tố mùa vụ và nguồn cung chưa thể phục hồi ngay lập tức. Chỉ số giá của nhóm hàng ăn & dịch vụ ăn uống có thể sẽ tăng cao trong đầu năm 2026 khi các yếu tố ngày lễ Tết đang đến gần.

Nhóm giao thông tăng 1.07%, đóng góp vào mức tăng chung 0.11 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá dầu diesel tăng 5.23% MoM, chỉ số giá xăng tăng 2.41% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Giá xăng tăng kéo theo giá vận tải bằng đường hàng không tăng 3.61% MoM và vận tải hành khách kết hợp tăng 0.57% MoM. Tuy nhiên, sang tháng 12, giá xăng đã giảm nhẹ. Giá bán lẻ dầu diesel ngày 18/12/2025 chỉ còn 17,470 VND/lit, giảm 11.8% so với đỉnh ngày 20/11/2025 (19,820 VND/lit).

Xét theo YoY, tháng 11/2025, CPI chung tăng 3.58% YoY. Sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng do Nhà nước quản lý như y tế, giáo dục; lạm phát cơ bản tăng 3.28% YoY trong tháng 11. Tính chung cho cả 11M 2025, CPI chung tăng 3.29%. Lạm phát cơ bản 11 tháng 2025 đạt 3.21%.

### Sản xuất duy trì đà tích cực

Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tăng 10.76% YoY trong tháng 11 và 9.34% trong 11 tháng của năm 2025. Chỉ số PMI tháng 11 đạt 53.8 điểm, giảm nhẹ từ mức 54.5 điểm trong tháng 10. Tuy nhiên, chỉ số PMI đã duy trì liên tục trên 50 điểm từ tháng 7, đánh dấu chuỗi dài hoạt động sản xuất được liên tục mở rộng. Số lượng đơn hàng xuất khẩu trong tháng 11 tăng cao, có nhu cầu cao từ hai thị trường là Trung Quốc và Ấn Độ. Lũ lụt có những ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và khả năng hoàn thành đúng hạn các đơn hàng. Chính vì thế, lượng tồn kho thành phẩm của các nhà sản xuất đã giảm rõ rệt.

### Tỷ giá hạ nhiệt trong tháng 12

Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do trong tháng 11 đi ngang ở mức cao ~27,700 VND/USD. Tuy nhiên, đến ngày 12/12/2025, tỷ giá đã giảm xuống còn 27,100 VND/USD trên thị trường tự do, tương đương với mức giảm 2.4% từ đỉnh. Ngày 10/12/2025, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã cắt giảm lãi suất 0.25 điểm phần trăm trong lần thứ ba liên tiếp. Trong khi đó, lãi suất trong nước Việt Nam có xu hướng tăng trở lại trong tháng 12. Tính đến ngày 17/12/2025, các ngân hàng quốc doanh Việt Nam đồng loạt tăng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-12 tháng thêm 50bps. Lãi suất trung bình của 4 ngân hàng quốc doanh từ 4.68% lên 5.2%. Việc áp lực tỷ giá trong năm 2025 phần lớn do ảnh hưởng chênh lệch lãi suất của Việt Nam và Mỹ. Đến tháng cuối năm 2025, việc lãi suất Việt Nam tăng và lãi suất Mỹ giảm đã giúp thu hẹp chênh lệch này lại. Tính đến 12/12/2025, chênh lệch lợi suất trái phiếu 10Y của Việt Nam và Mỹ xuống còn 0.2%, thu hẹp đáng kể từ mức 1.7% vào cuối năm 2024.

### Cập nhật Kinh tế Việt Nam - Tháng 11/2025

| Chỉ báo vĩ mô                          | 11/25  | 10/25  | 09/25  | 08/25  | 07/25  | 06/25  | 05/25  | 04/25  | 03/25  | 02/25  | 01/25  | 12/24  | 11/24  |
|----------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| CPI (YoY)                              | 3.58%  | 3.25%  | 3.38%  | 3.24%  | 3.19%  | 3.56%  | 3.24%  | 3.12%  | 3.13%  | 2.91%  | 3.63%  | 2.94%  | 2.77%  |
| CPI (MoM)                              | 0.45%  | 0.20%  | 0.42%  | 0.05%  | 0.11%  | 0.48%  | 0.16%  | 0.07%  | -0.03% | 0.34%  | 0.98%  | 0.29%  | 0.13%  |
| PMI                                    | 53.80  | 54.50  | 50.40  | 50.40  | 52.40  | 48.90  | 49.80  | 45.60  | 50.50  | 49.20  | 48.90  | 49.80  | 50.80  |
| IIP (YoY)                              | 10.8%  | 10.8%  | 13.6%  | 8.7%   | 7.4%   | 8.0%   | 9.6%   | 9.6%   | 9.9%   | 17.2%  | 0.6%   | 8.8%   | 8.0%   |
| IIP (MoM)                              | 2.3%   | 2.4%   | 0.1%   | 2.2%   | 0.5%   | 4.1%   | 4.3%   | 1.4%   | 12.0%  | -2.2%  | -9.2%  | 0.8%   | 2.3%   |
| Doanh số bán lẻ (YoY)                  | 7.1%   | 7.2%   | 11.3%  | 10.6%  | 9.2%   | 8.3%   | 10.2%  | 11.1%  | 10.8%  | 9.5%   | 9.5%   | 9.3%   | 8.8%   |
| Xuất khẩu (Tỷ USD)                     | 39.07  | 42.11  | 42.88  | 43.49  | 42.40  | 39.84  | 39.70  | 37.74  | 38.57  | 31.17  | 33.16  | 35.53  | 33.80  |
| Nhập khẩu (Tỷ USD)                     | 37.98  | 39.63  | 39.91  | 39.79  | 40.04  | 36.72  | 39.02  | 36.84  | 36.87  | 32.67  | 30.14  | 35.01  | 32.80  |
| Cán cân thương mại (Tỷ USD)            | 1.09   | 2.49   | 2.97   | 3.70   | 2.36   | 3.12   | 0.69   | 0.90   | 1.69   | -1.50  | 3.02   | 0.52   | 1.00   |
| Vốn FDI thực hiện (YTD, Tỷ USD)        | 23.6   | 21.30  | 18.80  | 15.40  | 13.60  | 11.72  | 8.90   | 6.74   | 4.96   | 2.95   | 1.51   | 25.35  | 21.68  |
| Vốn FDI đăng ký (YTD, Tỷ USD)          | 33.69  | 31.52  | 28.54  | 26.14  | 24.09  | 21.51  | 18.40  | 13.82  | 10.98  | 6.90   | 4.33   | 38.23  | 31.38  |
| Vốn đầu tư từ NSNN (nghìn tỷ VND)      | 97.48  | 90.28  | 87.56  | 83.13  | 77.57  | 71.47  | 58.06  | 49.61  | 43.97  | 37.70  | 35.25  | 86.38  | 75.88  |
| Tăng trưởng tín dụng (YTD)             | 16.56% | 15.09% | 13.86% | 11.78% | 10.24% | 9.91%  | 6.72%  | 5.32%  | 3.91%  | 0.76%  | 0.55%  | 15.08% | 11.90% |
| Tăng trưởng tiền gửi dân cư (YTD)      | n.a    | n.a    | 10.86% | n.a    | 9.68%  | 8.91%  | 7.61%  | 6.69%  | 5.73%  | 4.26%  | 1.74%  | 8.15%  | 7.16%  |
| Lãi suất qua đêm liên ngân hàng        | 5.40%  | 4.45%  | 4.38%  | 2.03%  | 3.35%  | 6.45%  | 3.1%   | 2.54%  | 4.02%  | 4.59%  | 3.92%  | 4.04%  | 3.11%  |
| Lãi suất tiền gửi 12T bình quân NHTMNN | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  | 4.68%  |
| Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm            | 3.89%  | 3.82%  | 3.62%  | 3.55%  | 3.32%  | 3.21%  | 3.11%  | 3.07%  | 2.97%  | 3.09%  | 3.00%  | 2.97%  | 2.68%  |
| Tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do   | 27,650 | 27,760 | 26,490 | 26,650 | 26,380 | 26,370 | 26,260 | 26,420 | 25,860 | 25,670 | 25,450 | 25,750 | 25,690 |

Nguồn: GSO, SBV, FiiPro-X, Shinhan Securities Vietnam



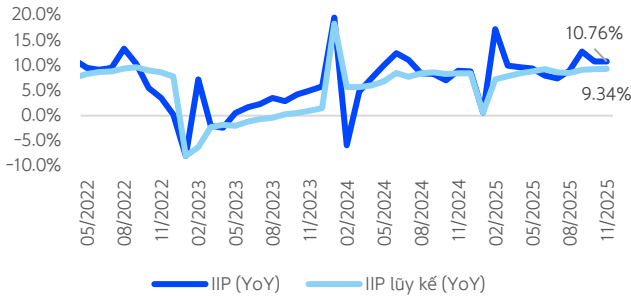
Tài liệu này được cung cấp chỉ với mục đích thông tin. Mọi dự báo, số liệu, ý kiến và chiến lược được đưa ra đều dựa trên các giả định nhất định và điều kiện thị trường hiện tại và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tất cả thông tin trình bày ở đây được coi là chính xác tại thời điểm sản xuất, nhưng không bảo đảm về tính chính xác và không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào.

Chứng khoán Shinhan Việt Nam  
Niên Nguyễn - Associate Manager  
☎ (84-8) 6299-8000

## Sản xuất – Tiêu dùng

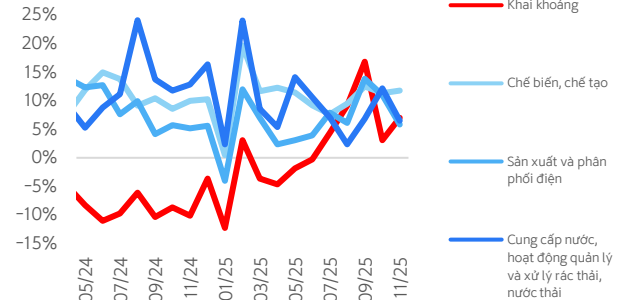
Tháng 11, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng tích cực 10.76% YoY (+2.3% MoM). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng mạnh nhất với 11.8% YoY. Lũy kế 11 tháng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10.6% YoY. Sản xuất xe có động cơ tăng trưởng YoY có phần chậm lại với mức tăng 8.6% YoY, so với mức tăng 2 chữ số trong các tháng trước. Lũy kế 11 tháng, sản xuất xe có động cơ tăng 22.0% YoY.

### Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

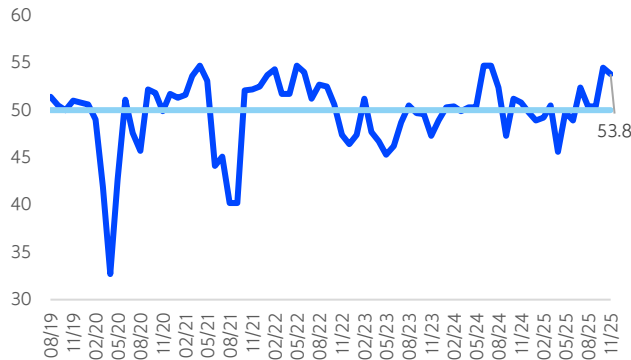
### Chỉ số sản xuất công nghiệp theo nhóm ngành cấp 2 (YoY)



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Chỉ số PMI đạt 53.8 điểm trong tháng 11, giảm nhẹ từ mức 54.5 điểm trong tháng 10. Chỉ số PMI đã duy trì được trên 50 điểm kể từ tháng 7/2025. Số lượng đơn đặt hàng duy trì đà tăng dù có chậm lại so với tháng trước. Trong đó, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng nhanh với tốc độ cao trong 15 tháng gần nhất. Khảo sát ghi nhận nhu cầu cải thiện ở Trung Quốc và Ấn Độ. Điều kiện thời tiết khắc nghiệt trong tháng 11 ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và khả năng hoàn thành công việc đúng hạn của các nhà sản xuất. Vì đơn đặt hàng tăng nhanh hơn khả năng sản xuất, hàng tồn kho đã giảm đáng chú ý.

### Chỉ số quản trị nhà mua hàng (PMI)



Nguồn: S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

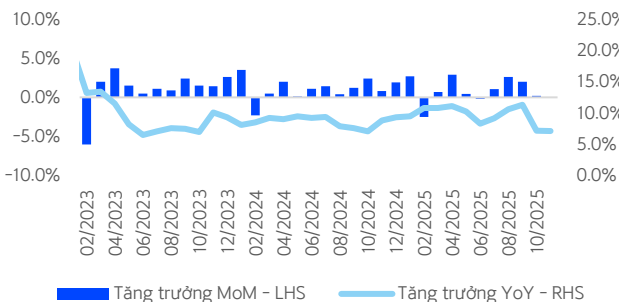
### Bảng tóm tắt PMI

|                     |      |
|---------------------|------|
| Đơn đặt hàng mới    | Tăng |
| Sản xuất            | Tăng |
| Tồn kho thành phẩm  | Giảm |
| Hoạt động mua hàng  | Tăng |
| Sử dụng lao động    | Tăng |
| Tâm lý doanh nghiệp | Tăng |

Nguồn: S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

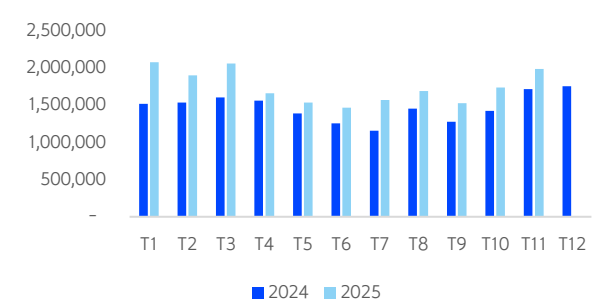
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 7.1% YoY trong tháng 11 dường như không tăng so với tháng trước. Lũy kế 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.1% YoY. Bán lẻ hàng hóa tăng 6.0% YoY trong tháng 11 và 7.9% lũy kế 11 tháng. Dịch vụ lưu hành và lưu trú, ăn uống tiếp tục đạt được mức tăng 2 chữ số với lần lượt là 13.6% YoY và 19.1% YoY trong tháng 11. Khách quốc tế đến Việt Nam tăng 15.6% YoY trong tháng 11. Lũy kế 11 tháng, khách quốc tế đến Việt Nam tăng 20.9% YoY.

### Tăng trưởng doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

### Lượng khách du lịch quốc tế theo tháng (lượt người)



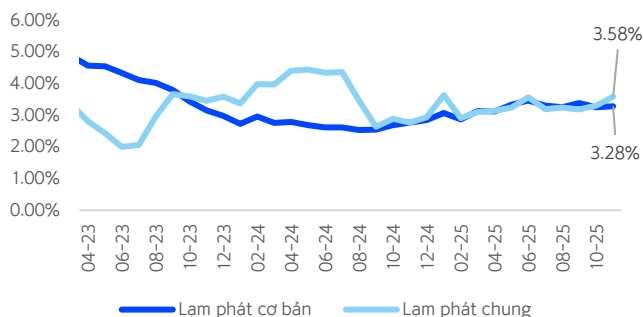
Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

# Cập nhật Kinh tế Việt Nam – Tháng 11/2025

## Lạm phát

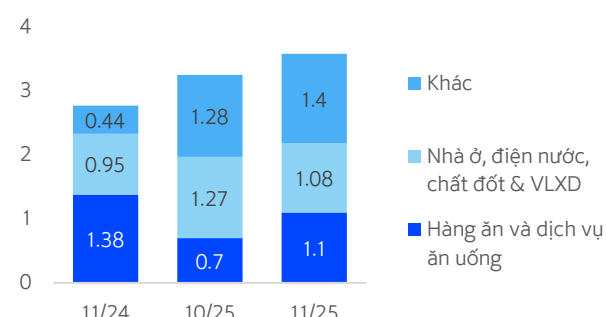
Tháng 11/2025, CPI chung tăng 3.58% YoY. Sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng do Nhà nước quản lý như y tế, giáo dục; lạm phát cơ bản tăng 3.28% YoY trong tháng 11. Tính chung cho cả 11 tháng 2025, CPI chung tăng 3.29%. Lạm phát cơ bản 11 tháng 2025 đạt 3.21%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ tăng 3.29% YoY, đóng góp 1.1 điểm vào mức tăng chung của CPI tháng 11. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng mạnh 5.73% YoY, đóng góp 1.08 điểm vào mức tăng chung.

**Chỉ số giá tiêu dùng (YoY)**



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

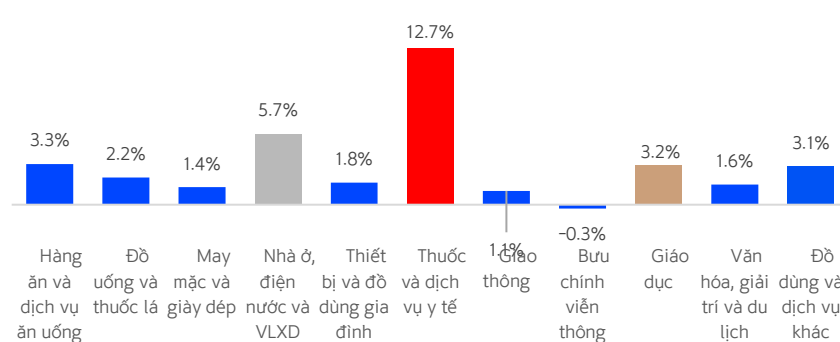
**CPI theo các nhóm hàng hóa trong tháng 11/2025 (% YoY)**



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

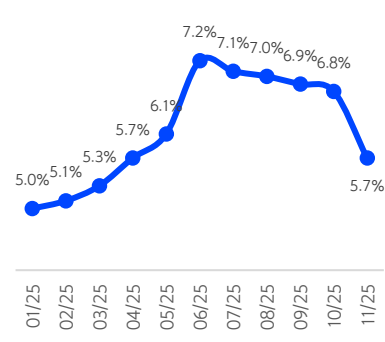
Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng YoY cao nhất 12.7% YoY và đây sẽ là mức tăng cao cuối cùng của nhóm này trong năm 2025. Sang tháng tiếp theo, chúng tôi tin rằng hiệu ứng của Thông tư 21/2024/TT-BHYT sẽ không còn ảnh hưởng nữa. Nhóm nhà ở điện nước vẫn là nhóm đứng thứ 2, tuy nhiên những yếu tố gây tăng mạnh YoY ở các tháng trước đã không còn lớn. Mức tăng YoY của nhóm này cũng đang trong xu hướng giảm dần vào các tháng cuối năm. Nhóm có mức tăng YoY thứ 3 là giáo dục. Việc năm học mới bắt đầu cùng với sự điều chỉnh giá học phí 2025-2026 của một số trường đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề nghiệp, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương đã khiến cho CPI nhóm này tăng.

**CPI theo các nhóm hàng hóa trong tháng 11 (YoY)**



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

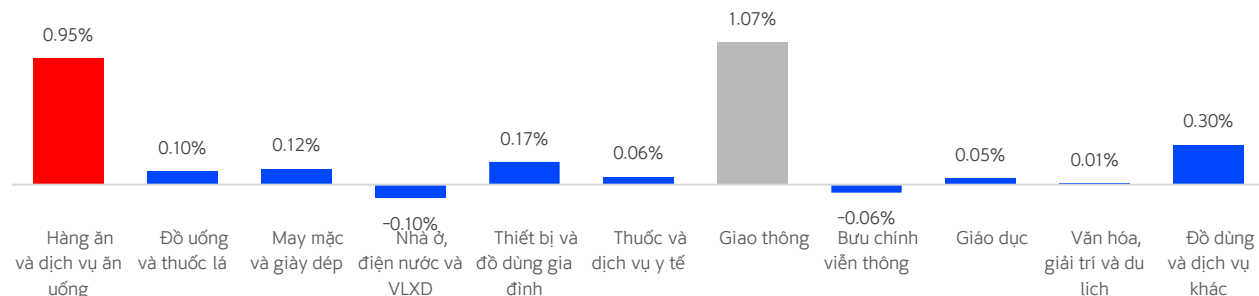
**CPI nhóm nhà ở, điện nước & VLXD (YoY)**



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Xét theo MoM, nhóm giao thông tăng mạnh nhất với 1.07% MoM. Chỉ số giá dầu diesel tăng 5.23%, chỉ số giá xăng tăng 2.41% MoM do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Giá xe máy, phụ tùng ô tô và vận tải hành khách cũng tăng. Giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống có mức tăng mạnh thứ nhì trong tháng 11. Do chịu ảnh hưởng liên tiếp bởi các cơn bão và mưa lũ gây mưa lớn, nông sản bị thiệt hại và nguồn cung thực phẩm bị gián đoạn. Giá nhóm rau tăng 12.71% và các mặt hàng cơ bản khác cũng tăng như thủy sản, gia cầm, trứng... Giá nguyên liệu thực phẩm tăng khiến cho giá dịch vụ và ăn ngoài gia đình cũng tăng.

**CPI theo các nhóm hàng hóa trong tháng 11/2025 (MoM)**

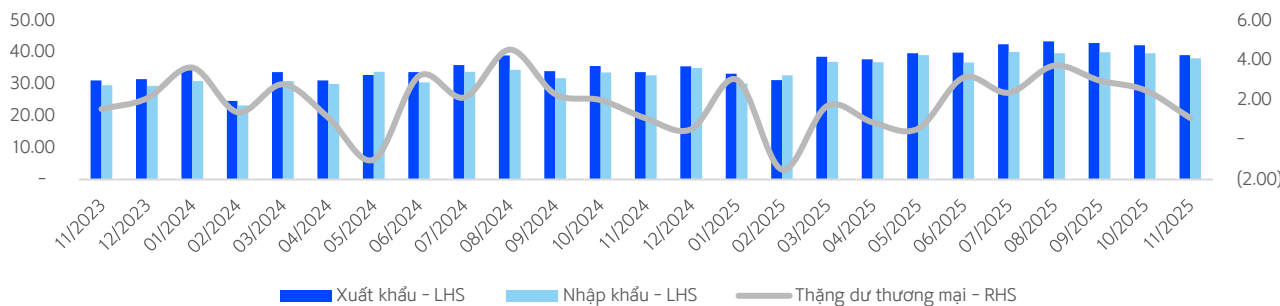


Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

## Thương mại – Đầu tư

Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 đạt 39.1 tỷ USD (-7.1% MoM và +15.1% YoY). Kim ngạch nhập khẩu đạt 37.98 tỷ USD (-3.7% MoM và +16.0% YoY). Xuất khẩu và nhập khẩu của nhóm điện thoại các loại và linh kiện giảm đáng kể với mức giảm lần lượt 21.5% MoM và 29.4% MoM. Thặng dư thương mại trong tháng 11 đạt 1.1 tỷ USD, lũy kế 11 tháng đạt 20.5 tỷ USD (cùng kỳ năm trước đạt 24.4 tỷ USD). Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 138.6 tỷ USD và Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 167.5 tỷ USD.

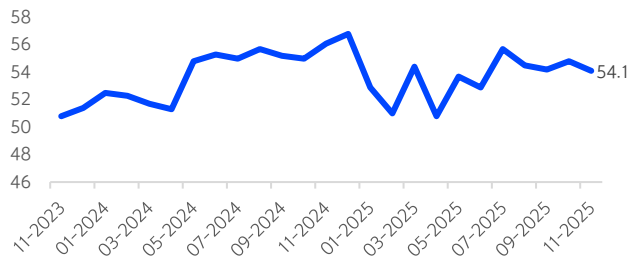
### Hoạt động xuất nhập khẩu (Tỷ USD)



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

PMI dịch vụ của Mỹ giảm nhẹ xuống 54.1 điểm trong tháng 11 từ mức 54.8 điểm trong tháng 10. Cùng với mức tăng vững chải trong sản lượng của nhóm sản xuất chế tạo, nền kinh tế Mỹ hướng đến mức tăng trưởng GDP 2.5% trong Q4 này. Với lãi suất hạ và mức tăng của thị trường vốn, các nhóm hoạt động tài chính tiếp tục tăng trưởng trong tháng 11. Tiêu dùng và dịch vụ tiếp tục mở rộng nhưng những áp lực từ chi phí cao bắt đầu xuất hiện với những lo ngại do thuế đối ứng gây ra.

### PMI dịch vụ của Mỹ



Nguồn: S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

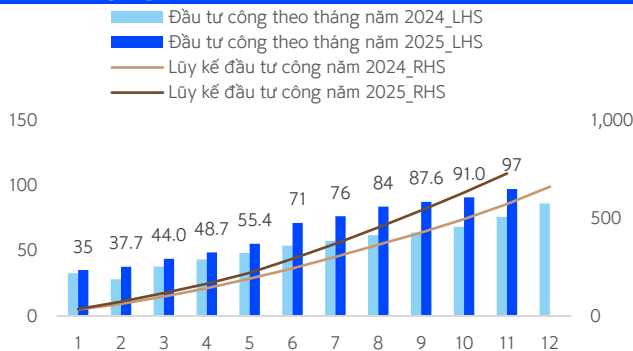
### Tăng trưởng GDP khu vực Euro (% - QoQ)



Nguồn: EuroStat, Shinhan Securities Vietnam

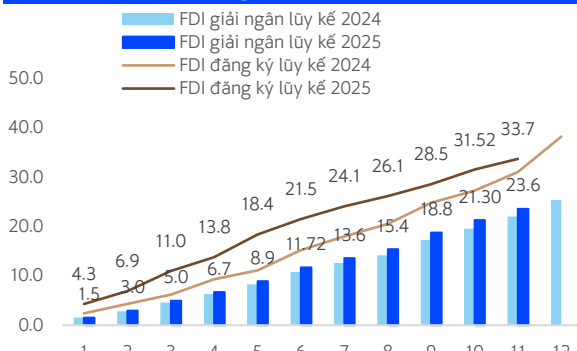
Đầu tư công tăng nhanh và mạnh. Vào tháng 11/2025, giải ngân đầu tư công đạt 97 nghìn tỷ, tăng trưởng 23% YoY. Lũy kế 11 tháng đạt 732 nghìn tỷ VND, tăng 27% YoY. Trong tháng 11/2025, FDI đăng ký đạt 2.17 tỷ USD. Lũy kế 11 tháng FDI đăng ký đạt 33.69 tỷ USD, tăng 7.3% YoY. FDI giải ngân đạt khoảng 2.3 tỷ USD trong tháng 11. Lũy kế 11 tháng FDI giải ngân đạt 23.6 tỷ USD, tăng 8.8% YoY.

### Đầu tư công (nghìn tỷ VND)



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

### Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI – tỷ USD)

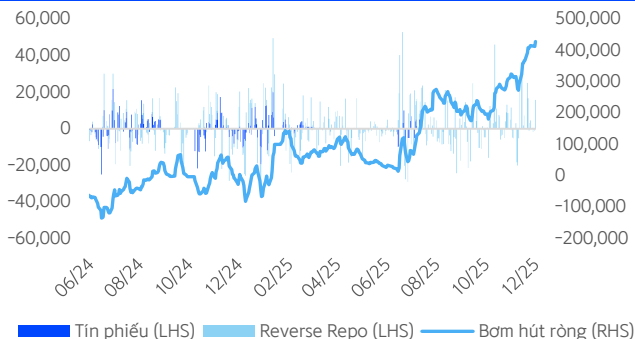


Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

## Thị trường tiền tệ

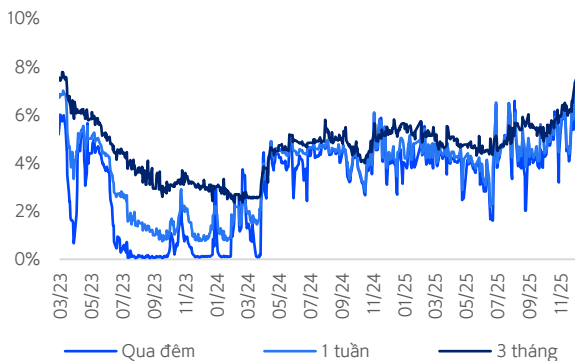
Trong tháng 11/2025, SBV đã bơm 88.4 nghìn tỷ VND thông qua các hoạt động trên thị trường mở. Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 11/2025 tăng mạnh. Lãi suất liên ngân hàng trung bình trong tháng 11 với các kỳ hạn qua đêm và 1 tuần đều trên 5% và lãi suất trung bình kỳ hạn 3 tháng trên 6%. Lãi suất liên ngân hàng đang cao hơn lãi suất tiết kiệm của 4 ngân hàng quốc doanh Việt Nam trong tháng 11.

### Hoạt động thị trường mở (OMO – tỷ đồng)



Nguồn: SBV, FiinPro, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: SBV, FiinPro, Shinhan Securities Vietnam

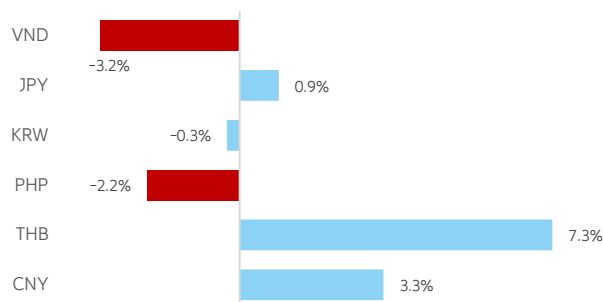
Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do đi ngang trên đỉnh trong tháng 11 và giảm mạnh trong tháng 12. Áp lực tỷ giá giảm khi chênh lệch lãi suất giữa thị trường Việt Nam và Mỹ dần thu hẹp. Lãi suất Việt Nam có xu hướng tăng và Mỹ có xu hướng giảm do các đợt cắt giảm lãi suất của Fed.

### Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

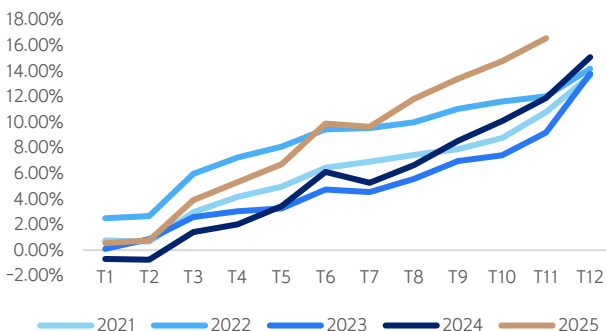
### Biến động YTD các đồng tiền so với USD đến ngày 12/12/2025



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam ước tính

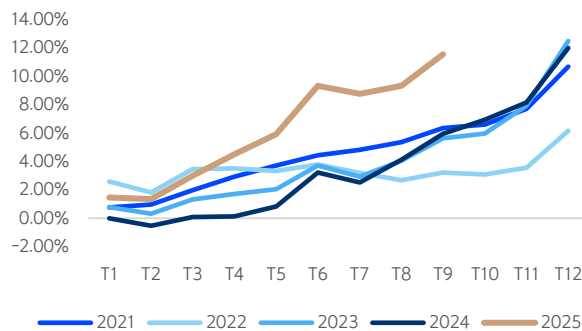
Đến hết tháng 11, tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng 16.56% YTD, hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do SBV đề ra cho năm 2025. Mục tiêu của năm 2025 là 16%.

### Tăng trưởng tín dụng



Nguồn: SBV, FiinPro, Shinhan Securities Vietnam

### Tăng trưởng cung tiền M2 lũy kế theo tháng (YTD)

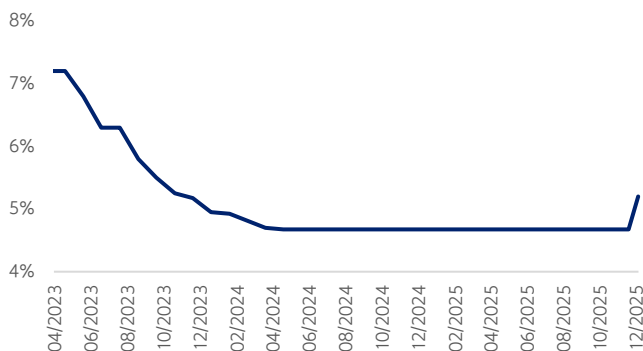


Nguồn: SBV, FiinPro, Shinhan Securities Vietnam

## Thị trường tiền tệ

Lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng thương mại nhà nước vẫn tiếp tục đi ngang ở mức 4.68% trong tháng 11 và tăng lên 5.2% trong tháng 12, đánh dấu sự thay đổi mặt bằng lãi suất tiền gửi trong nước. Lãi suất cho vay bình quân trong tháng 10/2025 ở mức 7.75%, tăng 5bps so với tháng 9/2025. Lãi suất tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6-12 tháng trong tháng 10 vẫn duy trì ở mức 5.05%.

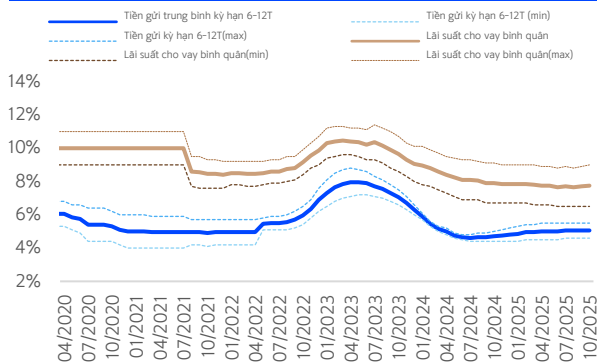
**Trung bình lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12T tại NHTMNN**



Nguồn: Finpro, Shinhan Securities Vietnam

NHTM quốc doanh: Vietcombank, Agribank, BIDV và Vietinbank

**Lãi suất tiền gửi và cho vay**



Nguồn: SBV, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất trung bình là trung bình cộng của lãi suất cao nhất và lãi suất thấp nhất

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang,  
Thu Thiem Ward, Thu Duc City, HCM City, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,  
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000



## Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần bản báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mạng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.